

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 676/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2013*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững  
Khu rừng đặc dụng Tây Yên Tử, giai đoạn 2013-2020**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, giai đoạn 2013-2020, ngày 26/12/2012; Báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, giai đoạn 2013-2020 của Hội đồng thẩm định;

Căn cứ Công văn số 242/TCLN-BTTN ngày 04/3/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, giai đoạn 2013-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 41/TTr-SNN ngày 04/5/2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu rừng đặc dụng Tây Yên Tử, giai đoạn 2013-2020 với những nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Mục tiêu**

- Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng của khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử gắn với việc khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và phục hồi hệ sinh thái rừng đặc trưng cho vùng Đông Bắc Việt Nam.

- Bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm.

- Quy hoạch xây dựng các công trình phục vụ, sưu tập, bảo tồn hệ động thực vật rừng, các mô hình rừng có giá trị nghiên cứu khoa học, có giá trị cảnh quan di tích lịch sử phục vụ nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch sinh thái.

- Đề xuất các hoạt động tham gia phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trong vùng bằng các hoạt động lâm nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ du lịch, dịch vụ môi trường,...

## **2. Nội dung quy hoạch**

### *2.1. Luận chứng về ranh giới khu bảo tồn:*

Đến năm 2020 Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử có tổng diện tích là 12.172,2 ha thuộc địa phận của 4 xã, 01 thị trấn, cụ thể:

- Phân khu Khe Rỗ: Xã An Lạc (huyện Sơn Động): 5.320,4 ha;

- Phân khu Thanh-Lục Sơn: 6.851,8 ha (xã Tuấn Mậu 2.983,3 ha, xã Thanh Luận 958,9 ha, thị trấn Thanh Sơn 530,4 ha, huyện Sơn Động; xã Lục Sơn 2.378,7 ha, huyện Lục Nam).

### *2.2. Luận chứng về các phân khu chức năng:*

- Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: Diện tích 5.448,3 ha, bao gồm:

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt Khe Rỗ: 2.652,2 ha.

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt Thanh-Lục Sơn: 2.796,1 ha.

- Phân khu Phục hồi sinh thái: Diện tích là 6.523,9 ha, bao gồm:

+ Phân khu phục hồi sinh thái Khe Rỗ: 2.648,2 ha

+ Phân khu phục hồi sinh thái Thanh-Lục Sơn: 3.875,7 ha

- Phân khu dịch vụ hành chính: Diện tích 200 ha, bao gồm:

+ Khu hành chính 1 (trụ sở chính Ban quản lý): 0,35 ha (nằm ngoài ranh giới khu bảo tồn).

+ Khu hành chính 2 (khu Đồng Thông, xã Tuấn Mậu): 180 ha.

+ Khu hành chính 3 (khu Khe Rỗ, xã An Lạc): 20 ha.

### *2.3. Quy hoạch lâm sinh, bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học:*

- Nâng cao chất lượng rừng trồng 178,3 ha.

- Làm giàu rừng 300,0 ha.

- Trồng cây xanh cảnh quan 2.500 cây.

- Khoanh nuôi phục hồi rừng 280,5 ha.

- Bảo vệ rừng hiện có: Đến năm 2015 là 11.851,7 ha; năm 2020 là 12.132,2 ha.

- Bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

*2.4. Quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn:*

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 5.448,3 ha (chiếm 44,7%).
- Phân khu phục hồi sinh thái 6.523,9 ha (chiếm 53,7%).
- Phân khu hành chính và dịch vụ 200 ha (chiếm 1,6%).

*2.5. Quy hoạch cơ sở hạ tầng:*

- Xây dựng, nâng cấp 6 trạm bảo vệ rừng.
- Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ, nhân viên tại trụ sở Ban quản lý quy mô 200 m<sup>2</sup>.
- Đầu tư trang thiết bị Văn phòng phục vụ Ban quản lý.
- Cắm 100 mốc ranh giới và 20 bảng tin.
- Nâng cấp 7 tuyến đường nội bộ, đường tuần tra bảo vệ rừng, chiều dài 41 km.
- Xây dựng 5,6 km đường băng xanh cảnh lửa.
- Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho PCCCR.
- Xây dựng nhà tập luyện PCCCR (nhà đa năng) quy mô 400m<sup>2</sup>.
- Chi cho hoạt động công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Nâng cấp vườn ươm hiện có tại thôn Nòn, thị trấn Thanh Sơn.
- Xây dựng vườn sưu tập thực vật quy mô 100 ha.
- Xây dựng nhà bảo tàng quy mô 400m<sup>2</sup>.
- Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc tại 6 trạm bảo vệ rừng.
- Xây dựng trung tâm du khách quy mô 400 m<sup>2</sup>.
- Xây dựng sa bàn rừng đặc dụng, đường diễn giải môi trường.
- Khôi phục ngành nghề truyền thống.

*2.6. Quy hoạch các chương trình nghiên cứu khoa học:*

- Điều tra theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.
- Nghiên cứu mô hình phát triển cây lâm sản ngoài gỗ.
- Các đề tài nghiên cứu hệ động thực vật rừng.

*2.7. Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ du lịch:*

- Quy hoạch các điểm, tuyến du lịch, gồm: Tuyến Vững Tròn đi Khe Đin; tuyến Vững Tròn đi Khau Chon; tuyến Vững Tròn đi Cam Cang; tuyến du lịch leo núi mạo hiểm Đồng Thông - Thác Giót (Tuần Mậu - Lục Sơn); tuyến du lịch văn hóa lịch sử tâm linh Đồng Thông; Tuyến Du lịch Đồng Thông - Suối Mơ - Suối nước Vàng - thác Ba Tia; tuyến Du lịch Đồng Thông - Hang Dơi; tuyến Thị trấn Thanh Sơn thăm quan nhà máy nhiệt điện Đồng Rì, mỏ than Đồng Rì.

- Quy hoạch các công trình phục vụ du lịch: Tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch Tây Yên Tử (tại Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày

08/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); Công trình bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa tâm linh Yên Tử (gồm: Quy hoạch hệ thống chùa hiện có với diện tích 6,5 ha, tại các khoảnh 23, 27, 40 thuộc phân khu PHST; Quy hoạch các công trình phục vụ khác như Ga cáp treo, bãi đỗ xe và dịch vụ với diện tích 19,5 ha, tại các khoảnh 23, 26, 27, 40 thuộc phân khu PHST); Xây dựng trung tâm du lịch sinh thái với diện tích 20 ha tại các khoảnh 14, 17 thuộc phân khu PHST.

- Quy hoạch cho thuê môi trường tại Khu Ba Tia thuộc thôn Nòn thị trấn Thanh Sơn 2.500 ha; thu Đồng Thông thuộc thôn Mậu xã Tuấn Mậu 2.500 ha.

2.8. *Tổ chức hoạt động giám sát:* Về diễn biến tài nguyên rừng; đa dạng sinh học; phục hồi hệ sinh thái; sử dụng tài nguyên và các dịch vụ môi trường rừng đặc dụng;

2.9. *Quy hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.*

2.10. *Quy hoạch phát triển vùng đệm*

### **3. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

3.1. *Giải pháp về tổ chức, quản lý:*

- Tăng cường lực lượng, nâng tổng số cán bộ công nhân viên lên 43 người, trong đó: Công chức Kiểm lâm 26 người; viên chức sự nghiệp 14 người; hợp đồng theo NĐ 68: 03 người; hợp đồng ngắn hạn: 12 người.

- Kiện toàn bộ máy quản lý khu bảo tồn trên cơ sở cơ cấu lại các phòng ban, tổ chức bộ máy như sau: Văn phòng Ban quản lý 17 người (gồm: Lãnh đạo 3 người, Phòng Tổ chức Hành chính 03 người, Phòng Kế hoạch tài chính 02 người, Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế 03 người, Phòng bảo tồn 03 người, Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ môi trường rừng 03 người) và Hạt Kiểm lâm 26 người.

3.2. *Giải pháp đầu tư và huy động vốn đầu tư:*

- Vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020. Lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư của các ngành để tập trung vốn cho bảo vệ và phát triển rừng khu bảo tồn.

- Nguồn vốn thu từ lợi nhuận của các hoạt động dịch vụ: Nguồn vốn thu từ lợi nhuận của các hoạt động dịch vụ, hoạt động liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ trong rừng đặc dụng, cho thuê môi trường rừng, thu phí dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ khác của Ban quản lý rừng đặc dụng.

- Vốn huy động khác: Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; từ các tổ chức quốc tế:...

3.3. *Giải pháp về chính sách đất đai:* Thực hiện theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý rừng; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của Luật Đất đai.

3.4. *Thực hiện cơ chế đồng quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rừng đặc dụng:* Ban quản lý khu bảo tồn phối hợp với UBND các xã và cộng đồng dân cư xây

dụng phương án chia sẻ lợi ích trên nguyên tắc đảm bảo sự thỏa thuận trực tiếp và tự nguyện giữa Ban quản lý khu rừng đặc dụng với cộng đồng dân cư thông qua hợp đồng kinh tế.

3.5. *Giải pháp về khoa học công nghệ:* Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều tra, giám sát, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cảnh báo cháy rừng, tuyên truyền quảng bá giá trị đa dạng sinh học, giá trị cảnh quan của khu bảo tồn. Đồng thời với ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào để gây giống đặc biệt là các loài cây có nguy cơ tuyệt chủng cao.

3.6. *Giải pháp về tuyên truyền và phát triển nguồn nhân lực:* Tuyên truyền giáo dục quần chúng bảo vệ rừng; Tăng cường chương trình khuyến nông khuyến lâm: Tham quan học tập các mô hình; Mở rộng liên doanh, liên kết và hợp tác quốc tế; Đào tạo, tập huấn cho CBCNV trong khu bảo tồn;...

3.7. *Ổn định dân cư, chuyển dân ra khỏi khu bảo tồn:* Giảm thiểu tác động vào khu bảo tồn đối với 265 hộ gia đình sống trong khu vực Đồng Thông; di dân đối với 9 hộ (52 nhân khẩu) đang sinh sống rải rác, tại xã An Lạc (vùng giáp ranh với huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn) để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và hội nhập với cộng đồng.

#### **4. Khái toán tổng vốn đầu tư giai đoạn 2013 - 2020**

4.1. *Tổng vốn:* Tổng vốn đầu tư là 119.057,6 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư lâm sinh 29.930, 3 triệu đồng (chiếm 25,0%).
- Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 55.634,0 triệu đồng (chiếm 47,0%).
- Vốn đầu tư khác 14.577,3 triệu đồng (chiếm 12%).
- Chi cho Bộ máy quản lý 18.916,0 triệu đồng (chiếm 16%)

4.2. *Nguồn vốn:*

- Vốn ngân sách 102.237,6 triệu đồng (chiếm 86%), trong đó vốn Trung ương 64%, vốn địa phương 22%.

- Vốn ngoài ngân sách 16.820,0 triệu đồng (chiếm 14%), trong đó vốn huy động từ các thành phần kinh tế chiếm 12%, vốn các tổ chức quốc tế 2%.

#### **5. Danh mục các dự án ưu tiên:**

- Dự án Cắm mốc ranh giới và bản đồ khu bảo tồn.
- Dự án chuyển dân di cư tự do ra khỏi khu bảo tồn
- Dự án Khoán bảo vệ rừng.
- Dự án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đệm.
- Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Dự án nghiên cứu thực trạng và giải pháp bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm.

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm công bố công khai, tuyên truyền, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Động, Lục Nam; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Thanh Sơn**